| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**<br>Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST<br>Ngày: 16-01-2026<br>V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng" | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Anh Thực;

*Các Hội thẩm nhân dân*:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;
- Ông Chiêm Đặng Thành Duy.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Chiêm Hải Ân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thùy T, sinh năm 1997; cư trú tại: Ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1997; cư trú tại: Ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Trần Thị Thùy T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Hữu T1 tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian quen nhau 03 năm thì tổ chức đám cưới vào năm 2018. Hai bên đăng ký kết hôn ngày 31-10-2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã H, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi cưới, chị về sống chung anh T1 cùng với cha mẹ và em anh T1. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, đi làm nhưng không đem tiền về cho chị để chăm lo các con, lâu lâu mới cho chị tiêu xài và mỗi lần đưa tiền thì vợ chồng xảy ra cự cãi, anh T1 đánh chị, có lần phải đi bệnh viện khám. Từ đầu năm 2024 đến nay, anh T1 không quan tâm lo lắng gì cho chị, không gửi tiền về để chị chăm lo cho các con. Từ khoảng tháng 6-2024 đến nay, anh T1 đi làm nhưng không về nhà nữa, do không thể chung sống cùng nhau được, nên chị và hai con đã về gia đình chị sinh sống từ đó đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng và không thể đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Linh Đ, sinh ngày 20-3-2019 và cháu Nguyễn Trần Linh N, sinh ngày 19-3-2020. Hiện hai con đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng nên chị yêu cầu tiếp tục được nuôi con. Chị đang gửi các cháu đi học, sinh hoạt phí mỗi cháu một tháng khoảng hơn 4.000.000 đồng, do đó nay chị yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con cho chị, mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng để chị nuôi con được đầy đủ hơn, yêu cầu cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi các con đủ 18 tuổi và lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Nguyễn Hữu T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Hữu T1 và chị Trần Thị Thùy T tranh chấp về ly hôn; anh T1 cư trú tại ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

[2] Nguyên đơn, chị Trần Thị Thùy T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn, anh Nguyễn Hữu T1 không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T1, chị T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Hữu T1 và chị Trần Thị Thùy T là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã H, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 31-10-2018. Theo chị T, chị và anh T1 tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi cưới vào năm 2018 thì vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T1 có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Ngoài ra, anh T1 cũng không phụ giúp chị T chăm lo cho các con, đi làm có tiền nhưng không đưa cho chị T lo cho các con, mỗi lần chị T yêu cầu đưa tiền thì xảy ra cự cãi, anh T1 đánh chị T phải đi bệnh viện thăm khám. Từ khoảng tháng 6-2024 đến nay, chị T và con đã về nhà cha mẹ ruột của chị T sinh sống nhưng anh T1 cũng không quan tâm, liên lạc gì. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn do chị T nêu, nhưng anh T1 không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh T1 cũng không đến Tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó đã cho thấy anh T1 không còn quan tâm đến hôn nhân với chị T. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"* và *"vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau"*. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh T1 và chị T đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Theo lời trình bày của chị T, chị và anh T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Trần Linh Đ, sinh ngày 20-3-2019 và cháu Nguyễn Trần Linh N, sinh ngày 19-3-2020, hiện các con do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, yêu cầu anh T1 cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng/cháu. Anh T1 không có ý kiến gì phản đối yêu cầu của chị T. Xét việc nuôi dưỡng các con hiện nay do chị T là người trực tiếp thực hiện, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết tiếp tục giao các cháu cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp, mức yêu cầu cấp dưỡng mà chị T nêu là phù hợp với chi phí thực tế để nuôi con và mức lương tối thiểu vùng nơi anh T1 sinh sống nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T1 đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết sau bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Thùy T là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn, anh T1 phải chịu án phí về cấp dưỡng

theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thùy T.

- Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T1.

- Về con chung:

+ Giao cháu Nguyễn Trần Linh Đ, sinh ngày 20-3-2019 và cháu Nguyễn Trần Linh N, sinh ngày 19-3-2020 cho chị Trần Thị Thùy T là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

+ Anh Nguyễn Hữu T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị Thùy T mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng/cháu (Hai cháu là 4.000.000 đồng mỗi tháng), thực hiện nghĩa vụ từ khi án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

+ Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí:

+ Chị Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006004 ngày 27-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, nên xem như đã thi hành xong.

+ Anh Nguyễn Hữu T1 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thùy T, anh Nguyễn Hữu T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã H, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Anh Thực**